

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHƯƠNG VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHƯƠNG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUONG VIET NAM TRADING SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHUONG VN TRADING CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109602316

**3. Ngày thành lập:** 19/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 28, ngõ 28, đường Võ Chí Công, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0348471456

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1313     |
| 2.  | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1393     |
| 3.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1391     |
| 4.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1392     |
| 5.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính;<br>- Sản xuất nỉ;<br>- Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viên đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí;<br>- Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng...;<br>- Sản xuất vải quần áo dễ co giãn;<br>- May bao đựng gạo, vest sô quần áo. | 1399     |
| 6.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1410     |
| 7.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1430     |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4641     |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4669     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4751        |
| 11. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4771        |
| 12. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Loại trừ: Hoạt động của đấu giá viên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4774        |
| 13. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4782        |
| 14. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4921        |
| 15. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định                                                                                                                                                                                                                                                              | 4922        |
| 16. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4929        |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>- Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô;<br>- Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt). | 4931        |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4932        |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác.                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4933(Chính) |
| 20. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5210        |
| 21. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5224        |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5225        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Loại trừ: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5229        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất. | 7410 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                              | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 700.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ THỊ PHUƠNG \_\_\_\_\_ Giới tính: Nữ  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 30/10/1997 \_\_\_\_\_ Dân tộc: Kinh \_\_\_\_\_ Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân  
 Số giấy chứng thực cá nhân: 013399613  
 Ngày cấp: 20/04/2011 \_\_\_\_\_ Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 11, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 Chỗ ở hiện tại: Số 28, ngõ 28, đường Võ Chí Công, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội